

THÔNG BÁO

Về việc công khai lựa chọn tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở thuộc Dự án Phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa (đợt 1); Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất thuộc dự án phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở thuộc Dự án Phát triển quỹ đất tại tiểu khu Đồng Văn, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa (đợt 1); Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất thuộc Dự án phát triển quỹ đất tại Tiểu khu Đồng Văn, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa (Đợt 1).

Căn cứ Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa; Quyết định 1900/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt giá

khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Đức Hóa, huyện Tuyên Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt Đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa; Quyết định 1901/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2055/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa; Quyết định 2063/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Tuyên Hóa Về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất ở nông thôn tại xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa;

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa thông báo về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá quyền sử dụng đất như sau:

I. Người có tài sản đấu giá: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa.

Địa chỉ: Tiểu khu II, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá

Tên tài sản: Quyền sử dụng đất ở đối với 65 thửa đất tại các xã: Đức Hóa, Thạch Hóa, Mai Hóa, và Dự án Phát triển quỹ đất tại tiểu khu Đồng Văn, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa (đợt 1); Dự án Phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa (đợt 1); Tổng diện tích của 65 thửa đất là: 11.778,2 m²; Tổng giá khởi điểm: 49.035.000.000 đồng. (*Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, không trăm ba mươi lăm triệu đồng*). Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn và đất ở đô thị. Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

(*Có phụ lục chi tiết các thửa đất kèm theo*).

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Thông tư số 02/2022/BTP của Bộ Tư pháp ngày 08/02/2022 và các tiêu chí khác do Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa quy định, cụ thể:

(*Có phụ lục Bảng tiêu chí đánh giá kèm theo*).

IV. Thành phần hồ sơ nộp đăng ký tham gia

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (*bản chính*); Đề xuất rõ mức thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá.

- Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí đánh giá.

- Tổ chức đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.

- Toàn bộ hồ sơ được bỏ vào phong bì dán và đóng dấu niêm phong.

V. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá

Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7h 00 phút ngày 03/11/2023 đến 17 giờ 00 phút ngày 08/11/2023 (*Nhận hồ sơ trong giờ hành chính các ngày làm việc*).

Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Phát triển quỹ đất - Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa.

Địa chỉ: Tiểu khu II, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Hình thức nộp hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (*Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện*).

+ Người đại diện tổ chức đấu giá tài sản đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến, CMND (hoặc CCCD).

+ Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Tuyên Hóa thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết để đăng ký theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về Đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử huyện Tuyên Hóa;
- LĐ UBND huyện (B/c);
- Phòng TNMT;
- Phòng Tư Pháp;
- Phòng TC-KH;
- Lãnh đạo Ban;
- UBND thị trấn Đồng Lê;
- UBND các xã: Đức Hóa, Thạch Hóa, Mai Hóa, Tiến Hóa;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Đức Nam

Phụ lục

Quyền sử dụng đất đối với 65 thửa đất ở tại các xã: Đức Hóa, Thạch Hóa, Mai Hóa và Dự án PTQĐ tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa (đợt 1), Dự án PTQĐ tại tiểu khu Đồng Văn, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa (đợt 1)

TT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Mục đích sử dụng	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm làm tròn (đồng)	Ghi chú
I	Dự án PTQĐ tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hóa, huyện Tuyên Hóa (GD 1)			8.972,1	44.800.000.000	
1	12	380	ONT	167,6	700.000.000	
2	12	381	ONT	169,9	700.000.000	
3	12	382	ONT	172,2	700.000.000	
4	12	387	ONT	185,2	800.000.000	
5	12	390	ONT	161,0	700.000.000	
6	12	391	ONT	161,0	700.000.000	
7	12	392	ONT	161,0	700.000.000	
8	12	393	ONT	161,0	700.000.000	
9	12	402	ONT	154,0	700.000.000	
10	12	403	ONT	154,0	700.000.000	
11	12	404	ONT	154,0	700.000.000	
12	12	405	ONT	154,0	700.000.000	
13	12	406	ONT	206,0	800.000.000	
14	13	495	ONT	143,5	700.000.000	
15	13	496	ONT	145,1	750.000.000	
16	13	497	ONT	165,0	750.000.000	
17	18	646	ONT	154,0	700.000.000	
18	18	647	ONT	184,2	1.050.000.000	
19	18	649	ONT	160,0	800.000.000	
20	18	650	ONT	160,0	800.000.000	
21	18	651	ONT	160,0	800.000.000	
22	18	652	ONT	160,0	800.000.000	
23	18	653	ONT	160,0	750.000.000	
24	18	654	ONT	160,0	750.000.000	
25	18	655	ONT	160,0	800.000.000	
26	18	656	ONT	160,0	800.000.000	
27	18	657	ONT	160,0	800.000.000	
28	18	658	ONT	160,0	800.000.000	
29	18	659	ONT	167,5	950.000.000	
30	18	673	ONT	222,1	1.100.000.000	
31	18	674	ONT	160,0	800.000.000	

32	19	594	ONT	143,5	700.000.000	
33	19	597	ONT	143,5	700.000.000	
34	19	607	ONT	155,7	1.000.000.000	
35	19	610	ONT	140,0	850.000.000	
36	19	612	ONT	140,0	850.000.000	
37	19	614	ONT	140,0	850.000.000	
38	19	615	ONT	184,5	1.050.000.000	
39	19	617	ONT	160,0	800.000.000	
40	19	618	ONT	160,0	800.000.000	
41	19	619	ONT	160,0	800.000.000	
42	19	620	ONT	160,0	700.000.000	
43	19	621	ONT	160,0	800.000.000	
44	19	622	ONT	160,0	800.000.000	
45	19	623	ONT	160,0	800.000.000	
46	19	624	ONT	160,0	800.000.000	
47	19	625	ONT	160,0	800.000.000	
48	19	626	ONT	160,0	750.000.000	
49	19	627	ONT	160,0	800.000.000	
50	19	628	ONT	160,0	900.000.000	
51	19	629	ONT	160,0	900.000.000	
52	19	631	ONT	262,6	1.500.000.000	
53	19	637	ONT	160,0	950.000.000	
54	19	643	ONT	160,0	950.000.000	
55	19	644	ONT	160,0	950.000.000	
II	Dự án PTQĐ tại tiểu khu Đồng Văn, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa (GD 1)			263,3	2.850.000.000	
1	26	131	ODT	132,2	1.430.000.000	
2	26	132	ODT	131,1	1.420.000.000	
III	Đất ở nông thôn xã Đức Hóa			553,8	220.000.000	
1	11	995	ONT	154,6	100.000.000	
2	11	997	ONT	399,2	120.000.000	
IV	Đất ở nông thôn xã Thạch Hóa			1.648,8	775.000.000	
1	43	207	ONT	394,9	140.000.000	
2	43	208	ONT	346,4	150.000.000	
3	43	209	ONT	392,2	160.000.000	
4	19	254	ONT	225,3	150.000.000	
5	19	255	ONT	290,0	175.000.000	
V	Đất ở nông thôn xã Mai Hóa			340,2	390.000.000	
1	12	457	ONT	340,2	390.000.000	
Tổng cộng: 65 thửa đất				11.778,2	49.035.000.000	

Phụ lục
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

TT	Nội dung	Ghi chú
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	
1.1	<i>Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...).</i>	
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện...</i>	
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá.	
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá.</i>	
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá.</i>	
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	

6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng.	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động.	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn.	
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	

3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	
1	Xây dựng phương án và cam kết đảm bảo an toàn số tiền đặt trước của khách hàng tại tài khoản của tổ chức đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về khoản tiền đặt trước của khách hàng nếu có sai sót.	
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện